

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/HS-ST

Ngày: 13/7/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Nguyệt Ánh;

2. Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 07 năm 2023, tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2023/HSST ngày 14 tháng 04 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 06 năm 2023 và Thông báo về việc dời ngày xét xử ngày 11 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Trần D, sinh năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: G đường số B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: G đường số B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: cửa hàng trưởng; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Mỹ L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/08/2022 đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Công ty Cổ phần T6; địa chỉ: Lô E, Khu công nghiệp M, phường M, Thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thu T1, sinh năm 1992; địa chỉ: Văn phòng N, Lầu D, C H, Phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 05/2022/GUQ/NTF.BD ngày 10/06/2022) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thanh T2, sinh năm 2001; địa chỉ: B Xóm C, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.
2. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1999; địa chỉ: E N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.
3. Bà Lê Minh P, sinh năm 1997; địa chỉ: C T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.
4. Bà Lê Thị Cẩm T3, sinh năm 1998; địa chỉ: 1 B, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.
5. Bà Nguyễn Thị Ngọc H1; địa chỉ: I H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.
6. Ông Vương Minh D1, địa chỉ: 8 T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.
7. Ông Lê Đình B; địa chỉ: F Ấp C, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 08/4/2022 và 08/5/2022, Công ty Cổ phần T6 (Công ty T6) phân công Nguyễn Trần D, vị trí cửa hàng trưởng quản lý cửa hàng T5, địa chỉ: A đường A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và cửa hàng trưởng quản lý cửa hàng T5, địa chỉ: C H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ của D sau khi cửa hàng đóng cửa lúc 21 giờ 30 phút hàng ngày, D tổng kết số lượng, chủng loại hàng bán, tiền bán hàng thu được trong ngày, báo cáo số liệu về công ty rồi sáng ngày hôm sau nộp tiền bán hàng tại 02 cửa hàng của ngày hôm trước về Công ty T6 bằng cách: nộp tiền vào tài khoản số 2812838, mở tại ngân hàng A1 hoặc nộp tiền qua dịch vụ V, chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng B1 số 18010000070412 của Công ty T6; đảm bảo việc bảo quản hàng hóa về chất lượng, số lượng, thực hiện đúng nguyên tắc kiểm kê, xuất nhập, hủy hàng hóa theo quy định của công ty.

Ngày 21/5/2022, Công ty T6 tiến hành kiểm kê hàng hóa tại 02 cửa hàng trên do D là cửa hàng trưởng thì phát hiện bị mất 68 mặt hàng (có bảng thống kê kèm theo), D bán hàng hóa từ ngày 03/5/2022 đến ngày 21/5/2022 không đưa vào hệ thống thanh toán, không nộp tiền về công ty mà chiếm đoạt hàng hóa của công ty trị giá 292.131.374 đồng để đầu tư tiền ảo Bitcoin. Cụ thể tại cửa hàng T5, địa chỉ: A đường A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh D đã chiếm đoạt 170.457.250 đồng và tại cửa hàng T5, địa chỉ: C H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh D đã chiếm đoạt 121.674.124 đồng. Ngày 15/6/2022, Công ty T6 đến công an phường B, Quận G để trình báo vụ việc. Nguyễn Trần D bị bắt trong trường hợp bắt bị can để tạm giam.

Tại kết luận định giá tài sản số: 276/KL-HĐĐGTTTHS ngày 11/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban Quận 7 kết luận: tại thời điểm bị chiếm đoạt tổng tài sản có giá trị là 292.131.374 đồng.* **Vật chứng thu giữ:** - Tiền mặt 292.131.374 đồng Nguyễn Trần D nộp lại để bồi thường khắc phục hậu quả. Ngày 27/9/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả số tiền nêu trên cho Công ty T6;

- 01 điện thoại di động Samsung màu đen, số Imei: 353976318012543 cùng 02 sim điện thoại. D khai là điện thoại của cá nhân, không sử dụng vào việc phạm tội;

- 01 điện thoại di động Iphone SE màu đen, số Imei: 359230405718107 cùng 01 sim điện thoại. D khai là điện thoại của cá nhân, sử dụng vào việc phạm tội;

- 01 USB chứa các hình ảnh Duy phạm tội;

- 01 đĩa DVD ghi lời khai của Nguyễn Trần D (ghi âm, ghi hình).

Tại Cơ quan Công an, Nguyễn Trần D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số: 67/CT-VKSQ7 ngày 12/04/2023 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo Nguyễn Trần D về tội “Tham ô tài sản” quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Trần D đã tự nguyện hoàn trả số tiền 292.131.374 đồng cho Công ty Cổ phần T6 và bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, những chứng cứ, tài liệu của vụ án được thu thập trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là hợp pháp. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. [2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo và tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Trần D tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, vật chứng thu giữ,... cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Nguyễn Trần D được Công ty T6 phân công giữ chức vụ cửa hàng T5, địa chỉ: A đường A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và cửa hàng T5, địa chỉ: C H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian từ ngày 03/5/2022 đến ngày 21/5/2022 bị cáo lợi dụng chức vụ, quyền lợi của mình nhiều lần chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý, tổng tài sản chiếm đoạt là 292.131.374 đồng của Công ty Cổ phần T6. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật. [3] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn có tiền tiêu xài cho bản thân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách

nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội. Tội phạm bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản, mà còn làm ảnh hưởng đến những hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Do đó, khi lượng hình cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn thì mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. [5] Về xử lý vật chứng của vụ án: - Tiền mặt 292.131.374 đồng Nguyễn Trần D nộp lại để bồi thường khắc phục hậu quả. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả số tiền nêu trên cho bị hại Công ty T6 là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

- 01 điện thoại di động Samsung màu đen, số Imei: 353976318012543 cùng 02 sim điện thoại. D khai là điện thoại cá nhân của bị cáo, không sử dụng vào việc thực hiện tội phạm. Xét, đây là tài sản cá nhân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động Iphone SE màu đen, số Imei: 359230405718107 cùng 01 sim điện thoại. D khai đây là điện thoại của bị cáo, bị cáo sử dụng làm công cụ để thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[6] Về dân sự: Bị cáo Nguyễn Trần D đã tự nguyện hoàn trả số tiền 292.131.374 đồng cho bị hại Công ty Cổ phần T6 và bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trần D phạm tội “Tham ô tài sản”.

1. Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Nguyễn Trần D 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/08/2022.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trần D: 01 điện thoại di động Samsung màu đen, số Imei: 353976318012543 cùng 02 sim điện thoại.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone SE màu đen, số Imei: 359230405718107 cùng 01 sim điện thoại.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 77 ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7).

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí và Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Lê Anh